

Số: 10/2023/QĐST-HNGĐ

P, ngày 14 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

- Chị Ngô Thị Phương T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 17/3/2009;

+ Cháu Trần Minh Q, sinh ngày 11/9/2016;

Cùng địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

Người Đ diện hợp pháp của cháu M, cháu Q: Anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã thị trấn T, huyện P vào ngày 02/11/2007 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp, được pháp luật công

nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh Đ, chị T nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Khoảng 01 năm trở lại đây, anh Đ và chị T sống ly thân nhau mỗi người một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Anh Đ và chị T đều xác định cho đến nay hai anh chị không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Đ và chị T đều thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận. Xét đây là sự tự nguyện của anh Đ và chị T nên cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 17/3/2009 và cháu Trần Minh Q, sinh ngày 11/9/2016. Ly hôn, anh Đ và chị T thỏa thuận thống nhất, giao cháu M cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; giao cháu Q cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Đ và chị T thỏa thuận thống nhất mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

Sau khi ly hôn, anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T thỏa thuận thống nhất anh Đ tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét đây là sự tự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 17/3/2009 và cháu Trần Minh Q, sinh ngày 11/9/2016. Ly hôn, anh Đ và chị T thỏa thuận thống nhất, giao cháu M cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; giao cháu Q cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi

cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Đ và chị T thỏa thuận thống nhất mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Xuân Đ và chị Ngô Thị Phương T thỏa thuận anh Đ tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006217 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh Đ đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh H;
- UBND TT T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q